

# HIỆN TRẠNG VÀ SUY NGHĨ VỀ GIÁO DỤC TRUNG CẤP DẠY NGHỀ Ở CÁC KHU VỰC KÉM PHÁT TRIỂN: TRƯỜNG HỢP TỈNH GIANG TÂY, TRUNG QUỐC

PGS. NGÔ QUÂN DÂN

*Đại học Tài chính Giang Tây, Trung Quốc*

*Tóm tắt:* Các trường trung cấp dạy nghề đã phát huy vai trò tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và đẩy nhanh chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế. Bài viết này vận dụng các phương pháp tọa đàm, phỏng vấn và điều tra theo bảng hỏi tiến hành điều tra các trường trung cấp dạy nghề ở 18 thành phố, huyện của tỉnh Giang Tây. Qua điều tra đã phát hiện, giáo dục trung cấp dạy nghề ở tỉnh Giang Tây còn tồn tại các vấn đề như thiếu đầu tư cho giáo dục, số lượng các bộ môn, chuyên ngành liên kết với doanh nghiệp còn thiếu, lực lượng giáo viên không đủ và mất cân bằng về kết cấu, tuyển sinh khó khăn và nguồn học sinh không đủ v.v...

## I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN GIÁO DỤC TRUNG CẤP DẠY NGHỀ TỈNH GIANG TÂY

### 1. Khái quát tình hình tổng thể

Trong thời kỳ “Qui hoạch 5 năm lần thứ X”, giáo dục trung cấp dạy nghề và giáo dục PTTH (cao trung) của tỉnh Giang Tây đều đạt được bước phát triển nhanh chóng, tốc độ phát triển cao hơn mức trung bình của cả nước. Số học sinh đang theo học giáo dục trung cấp dạy nghề tăng từ 329.400 học sinh lên 641.600 học sinh; toàn bộ số

học sinh đang theo học giáo dục giai đoạn PTTH đạt 1,492 triệu học sinh, tỉ lệ nhập học tăng từ 39% lên 60,4%. Thực hiện được mục tiêu của “Qui hoạch 5 năm lần thứ X”, cao hơn 10 điểm phần trăm so với cả nước, tỉ lệ chiêu sinh giữa các trường trung cấp dạy nghề với các trường PTTH tăng từ 41,3:58,7 năm 2000 lên 47,3:52,7 năm 2005, về cơ bản phát triển theo hướng cân bằng.

Căn cứ theo số liệu công bố ngày 24-12-2009 của Sở Giáo dục Dạy nghề và giáo dục Thành niên - Bộ Giáo dục, cả nước Trung Quốc có 11744 trường hoặc hoặc cơ

sở dạy nghề bậc trung cấp (bao gồm trung cấp chuyên nghiệp phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp thành niên, trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề), trong đó tỉnh Giang Tây có 588 cơ sở; năm 2008 kế hoạch chiêu sinh của cả nước là 8,2 triệu người, chiêu sinh thực tế khoảng 6,5027 triệu người, số học sinh đang theo học là khoảng 16,8824 triệu người, số học sinh tốt nghiệp là khoảng 4,7109 triệu người<sup>(1)</sup>. Căn cứ theo phân bổ của Bộ Giáo dục, năm 2010 chỉ tiêu tuyển sinh theo kế hoạch của các trường trung cấp dạy nghề trên toàn quốc là 8,3 triệu người, nhiệm vụ tuyển sinh của các trường trung cấp dạy nghề của tỉnh Giang Tây là 285.000 người, trong đó phân bổ kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông dạy nghề (trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề) theo chỉ đạo là 143.500 người, phân bổ kế hoạch tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp thành niên và học viện cao đẳng nghề theo chỉ đạo là 100.000 người, kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông dạy nghề (trung cấp chuyên nghiệp dạy nghề) ở các thành phố trực thuộc theo chỉ đạo tổng cộng là 143.500 người; nhiệm vụ tuyển sinh phổ thông trung học là 270.000 người, kế hoạch tuyển sinh theo báo cáo của các thành phố trực thuộc là 258.690 người.

## **2. Tình hình liên kết giữa các doanh nghiệp, ngành nghề và trường học có liên quan với các chuyên ngành, chuyên môn**

Sự phát triển giáo dục trung cấp dạy nghề về căn bản đã làm thay đổi cục diện đơn nhất trong kết cấu giáo dục trung cấp ở tỉnh Giang Tây, đã đào tạo cho xã hội một

đội ngũ nhân tài thực dụng tố chất cao, đặc biệt đã tạo nên một loạt trường học kiểu mẫu chủ chốt có chất lượng dạy học tốt, uy tín cao. Năm 2000, cả tỉnh có 28 cơ sở trung cấp chuyên nghiệp phổ thông, trung học phổ thông dạy nghề được Bộ Giáo dục xác định là “Trường dạy nghề trọng điểm cấp quốc gia”. Những trường này đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trên các phương diện cải cách thể chế quản lý, mô hình giáo dục, thể chế xây dựng trường học, nhưng mấy năm gần đây nhiều trường cũng đang đứng trước nguy cơ tồn tại và phát triển. Có một số nguy cơ đó là sự khó khăn trong tuyển sinh, áp lực cạnh tranh nguồn học sinh do những điều chỉnh chính sách mang lại như việc loại bỏ chính sách phân phối học sinh ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và chính sách mở rộng tuyển sinh ở các trường cao đẳng đại học, ngoài ra còn có một số nhân tố khác đó là những thách thức do qui hoạch giáo dục quốc gia, sắp xếp trường học cùng với sự phát triển của các ngành nghề mới nổi đem đến cho việc xây dựng các trường trung cấp, chuyên ngành. Xây dựng chuyên ngành là “nội công”, xét ở mức độ độ nhất định, chỉ có khổ luyện “nội công” thì mới có thể thích ứng được với tình hình phát triển, thay đổi không ngừng, điều này thể hiện rõ ở tình hình liên kết, kết nối giữa các doanh nghiệp, các ngành nghề với các trường, các chuyên ngành.

Trên phương diện trường học kết nối với ngành nghề, như biểu đồ 1.1 đã cho thấy, trường học kết nối với ngành nghề tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực như điện tử (81,3%), gia công/chế tạo (62,5%), cơ khí

(62,5%), thông tin (43,8%), giáo dục (43,8%), may mặc (31,3%) và kiến trúc/ vật liệu xây dựng, những ngành nghề này vừa là bộ phận hợp thành cơ bản trong sự phát triển kinh tế xã hội quốc dân, vừa là những ngành nghề cung cấp việc làm và giải quyết một lượng lớn việc làm, tương đối thích ứng với thực tế phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay. Nhưng, sự kết nối giữa các trường trung cấp dạy nghề với các khu công nghiệp/doanh nghiệp vẫn còn thiếu, trong báo cáo của 57 trường trung cấp dạy nghề chỉ có 162 khu công nghiệp/doanh nghiệp liên kết với các trường, bình quân là có 2,84 doanh nghiệp/khu công nghiệp liên kết với trường.

Trên phương diện trường học gắn kết với chuyên ngành, biểu đồ 1.2 cho thấy, chủ yếu tập trung ở các chuyên ngành như điện tử (77%), cơ khí/điện tử (53%), máy tính ứng dụng (53%), chế tạo/gia công khuôn đúc (47%). Những chuyên ngành này từ trước tới nay luôn được chính phủ chú trọng và nhận được sự hoan nghênh rộng rãi của doanh nghiệp và xã hội, vì thế trở thành những chuyên ngành được thành lập phổ biến ở các trường trung cấp dạy nghề. Nhưng, không thể xem nhẹ việc một số trường dạy nghề mấy năm gần đây mở rộng một cách mù quáng, trong điều kiện chưa đủ giáo viên dạy chuyên ngành và lực lượng giáo viên tương ứng khác, đã vội vàng mở lớp, dạy các ngành nghề được ưa chuộng, làm xuất hiện cục diện “không có gì là không dạy, không có gì không thể dạy, không có gì không dám dạy”, tạo ra những

ảnh hưởng tương đối tiêu cực đối với việc xây dựng các chuyên ngành ở các trường trung cấp dạy nghề. (Hong Duy Minh, 2008).

### **3. Tình hình đào tạo nghề**

Các trường trung cấp dạy nghề là những cơ sở quan trọng đào tạo đội ngũ nhân tài về kỹ thuật, kỹ năng. Hiện nay, đối tượng của các loại hình đào tạo nghề của các trường trung cấp dạy nghề Trung Quốc chủ yếu là những người thất nghiệp, mất việc, khởi nghiệp, chuyển dịch sức lao động ở nông thôn, kỹ thuật thiên thực dụng nông thôn, công nhân viên đang làm việc trong các doanh nghiệp, xí nghiệp. Như bảng 1.3 cho thấy, các trường trung cấp dạy nghề ở các thành phố, huyện (khu) được điều tra có sự tham gia ở những trình độ khác nhau đối với đào tạo nghề. Về tổng thể, số lượt công nhân viên đang làm việc trong các doanh nghiệp, xí nghiệp và số lao động chuyển dịch ở nông thôn tham gia đào tạo đều tăng dần qua các năm, nhưng số lượt người tham gia đào tạo khi khởi nghiệp, lập nghiệp vẫn còn tương đối thấp, điều này chứng tỏ việc đào tạo khởi nghiệp, lập nghiệp trong các trường trung cấp dạy nghề vẫn còn tiềm lực lớn.

Các trường trung cấp dạy nghề đào tạo nhiều loại hình đã thu được nhiều lợi ích, vì thông qua các hình thức đào tạo nghề sẽ vừa đào tạo cho Chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội một đội ngũ đông đảo công nhân kỹ thuật, nhân viên kỹ thuật công trình, nhân viên quản lý và nhân viên chuyên môn khác, vừa cung cấp cho xã hội một đội ngũ nhân tài kỹ thuật đủ tiêu

chuẩn, thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất và xây dựng. Đồng thời, các trường trung cấp dạy nghề thông qua việc tận dụng ưu thế về chuyên môn, chuyên ngành và nhân tài đã nhận được nguồn vốn của doanh nghiệp và xã hội, hỗ trợ cho việc giảng dạy và các học sinh khó

khăn, đã cung cấp sân chơi thực tiễn cho học sinh, tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn, mở rộng ảnh hưởng của các trường học, tạo môi trường xã hội tốt đẹp cho các khâu trong công tác dạy học (bao gồm tuyển sinh, đào tạo và việc làm) của các trường, đã tích lũy được nguồn lực xã hội tốt đẹp.

**Bảng 1: TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP DẠY NGHỀ TỪ NĂM 2006-2009 Ở CÁC THÀNH PHỐ, HUYỆN (KHU) ĐƯỢC ĐIỀU TRA**

| Hạng mục<br>đào tạo<br>(Đơn vị: lượt người)                    | 2006                    |                                       | 2007                    |                                       | 2008                    |                                       | 2009                    |                                       |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
|                                                                | Giá trị<br>bình<br>quân | Chênh<br>lệch<br>so với<br>tiêu chuẩn | Giá trị<br>bình<br>quân | Chênh<br>lệch<br>so với<br>tiêu chuẩn | Giá trị<br>bình<br>quân | Chênh<br>lệch so<br>với tiêu<br>chuẩn | Giá trị<br>bình<br>quân | Chênh<br>lệch so<br>với tiêu<br>chuẩn |
| Mất việc, thất nghiệp                                          | 1864                    | 1720.6                                | 2940                    | 2288.8                                | 3298                    | 2851.6                                | 346                     | 3112.4                                |
| Khởi nghiệp, lập nghiệp                                        | 196                     | 108.3                                 | 289                     | 140.0                                 | 343                     | 114.8                                 | 492                     | 245.9                                 |
| Chuyển dịch sức lao động nông thôn                             | 3483                    | 3208.0                                | 6694                    | 5519.7                                | 7442                    | 5083.1                                | 8112                    | 7548.3                                |
| Kỹ thuật viên thực dụng nông thôn                              | 6588                    | 10566.2                               | 4201                    | 5345.6                                | 5207                    | 6596.6                                | 5710                    | 6883.3                                |
| Công nhân viên đang làm việc trong các doanh nghiệp, xí nghiệp | 36200                   | 7672.2                                | 4019                    | 7770.8                                | 4591                    | 7722.1                                | 4448                    | 8237.0                                |
| Khác                                                           | 672                     | 533.5                                 | 894                     | 907.8                                 | 1380                    | 1306.3                                | 1831                    | 2220.9                                |
| Tổng cộng                                                      | 22462                   | 27278.4                               | 23865                   | 21630.2                               | 28306                   | 24503.9                               | 31047                   | 28715.3                               |

## **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP DẠY NGHỀ TỈNH GIANG TÂY**

Giáo dục trung cấp dạy nghề là để nâng cao tố chất dân số cho các khu vực kém phát triển, là con đường hiệu quả để thực hiện ưu hoá kết cấu ngành nghề cho các vùng miền, là cơ sở quan trọng để các khu vực kém phát triển thực hiện phát triển kinh tế. Hiện nay, ở một số khu vực phát triển, giáo dục dạy nghề đã được xã hội hoá

cao độ, thực hiện được sự giao thoa và dung hợp giữa giáo dục dạy nghề và ngành nghề của khu vực, phát triển kinh tế khu vực, hình thành sự tuần hoàn tốt đẹp. Khu vực kém phát triển về kinh tế có ưu thế tương đối rõ nét về tài nguyên, vị trí và môi trường, tiềm lực ưu hoá nâng cấp ngành nghề tương đối lớn, nhưng ở những khu vực này, hình thức phát triển giáo dục trung cấp dạy nghề không được lạc quan, giữa đào tạo nhân tài, xây dựng chuyên

môn, chuyên ngành với kết cấu ngành nghề ưu thế và nhu cầu nhân tài của địa phương quá tách rời, đã cản trở các khu vực kém phát triển thông qua ưu hoá nâng cấp kết cấu ngành nghề để thực hiện sự cất cánh về kinh tế (Nhóm đề tài, 2007).

**Bảng 2: TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC NĂM 2009**

|                                                                    | <b>Giá trị bình quân</b>                   | <b>Chênh lệch so với tiêu chuẩn</b> |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Tình hình kinh tế địa phương</b><br>(Đơn vị: 100 triệu NDT)     | GDP 83.744                                 | 56.382                              |
|                                                                    | Khu vực 1 (Nông nghiệp) 12.949             | 8.609                               |
|                                                                    | Khu vực 2 (Công nghiệp, xây dựng) 47.073   | 38.087                              |
|                                                                    | Khu vực 3 (Dịch vụ) 23.889                 | 14.919                              |
| <b>Tài chính và đầu tư cho giáo dục</b><br>(Đơn vị: 100 triệu NDT) | Thu nhập tài chính 6.950                   | 4.961                               |
|                                                                    | Chi tiêu tài chính 2.453                   | 4.592                               |
|                                                                    | Kinh phí chi cho giáo dục 2.413            | 1.090                               |
| <b>Tình hình việc làm</b><br>(Đơn vị: 1000 người)                  | Số việc làm tính đến cuối năm 258.736      | 175.101                             |
|                                                                    | Khu vực 1 (Nông nghiệp) 123.504            | 99.305                              |
|                                                                    | Khu vực 2 (Công nghiệp và xây dựng) 68.931 | 44.922                              |
|                                                                    | Khu vực 3 (Dịch vụ) 67.844                 | 55.887                              |

Bảng 2 cho thấy, xem xét từ giá trị bình quân GDP và giá trị gia tăng các nhóm ngành nghề (khu vực 1, 2, 3) có thể thấy, giá trị gia tăng bình quân nhóm ngành nghề khu vực 2 tương đối lớn, nhưng sự phát triển của nhóm ngành nghề khu vực 3 vẫn có tiềm lực rất lớn; giá trị bình quân giữa thu chi tài chính còn tồn tại chênh lệch khá lớn, giá trị bình quân chi còn cách khá xa thu, tình hình tài chính của chính quyền địa phương không lạc quan, giá trị bình quân chi tiêu cho giáo dục chỉ có 241,3 triệu NDT, đầu tư cho giáo dục rõ ràng là không đủ, giá trị bình quân của 3475

thành phố, huyện (khu) năm 2008 là 259,3 triệu NDT; về phương diện giá trị bình quân số việc làm trong các ngành nghề, giá trị bình quân số việc làm của nhóm ngành nghề khu vực 1 cao hơn rõ rệt so với khu vực 2, khu vực 3 cho thấy, tỉnh Giang Tây vẫn là một tỉnh có dân số làm nông nghiệp đông, tình hình kinh tế hiện nay vẫn đang ở trình độ trung bình thấp so với cả nước.

Như bảng 3 cho thấy, xem xét tình hình đầu tư cho giáo dục từ năm 2006 đến 2009, tỉ trọng tổng chi tiêu cho giáo dục chiếm trong GDP về tổng thể có xu thế tăng, nhưng năm 2008 lại giảm xuống,

năm 2006 và năm 2007 tỉ trọng tổng chi tiêu cho giáo dục trong tổng chi tiêu tài chính không thay đổi (bình quân là 22,87%), nhưng năm 2008 (19,88%) và năm 2009 (19,11%) lại giảm đi.

**Bảng 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC CÁC NĂM 2006-2009  
TẠI CÁC THÀNH PHỐ, HUYỆN (KHU) ĐƯỢC ĐIỀU TRA**

| Hạng mục                                                               | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
| GDP (100 triệu NDT)                                                    | 49.919   | 59.686   | 73.701   | 83.744   |
| Chi tiêu tài chính (Đơn vị: 100 triệu NDT)                             | 5.132    | 6.962    | 9.290    | 12.453   |
| Tổng chi tiêu cho giáo dục (Đơn vị: 100 triệu NDT)                     | 1.208    | 1.584    | 1.899    | 2.413    |
| Tỷ trọng chi tiêu cho giáo dục chiếm trong GDP (%)                     | 2.912    | 3.307    | 3.257    | 3.597    |
| Tỷ trọng tổng chi tiêu cho giáo dục chiếm trong chi tiêu tài chính (%) | 22.870   | 22.870   | 19.880   | 19.110   |

### **1. Đầu tư trang thiết bị giảng dạy cho trường học không đủ**

Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học là bảo đảm cơ bản của giáo dục trường học. Căn cứ theo qui định của “Tiêu chuẩn”, các trường trung cấp dạy nghề cần phải có khuôn viên trường, ký túc xá và cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học phù hợp với qui mô dạy học và xây dựng chuyên ngành. Điều tra lần này đã phát hiện, các trường trung cấp dạy nghề ở tỉnh Giang Tây ngoài diện tích sử dụng khuôn viên trường bình quân mỗi học sinh, giá trị tài sản cố định bình quân mỗi học sinh và số máy tính bình quân mỗi học sinh là đáp ứng tiêu chuẩn ra, thì diện tích kiến trúc phòng học bình quân mỗi học sinh, diện tích thư viện/phòng đọc bình quân mỗi học sinh, trang

thiết bị có giá trị, thiết bị thực tập thực nghiệm bình quân mỗi học sinh đều chưa thể đáp ứng theo yêu cầu qui định của “Tiêu chuẩn”. Giáo dục dạy nghề ngoài việc phải có đủ các điều kiện dạy học như các loại hình giáo dục thông thường khác còn cần phải có các trang thiết bị đào tạo thực nghiệm, thực tập hàng đầu, đủ số lượng. Không có những trang thiết bị này, chỉ có thể là “học máy móc trên bảng đen”, làm thực nghiệm trên sách vở, không thể đào tạo ra nhân tài có kỹ năng thực thụ.

### **2. Lực lượng giáo viên không đủ, kết cấu mất cân bằng**

Thiếu giáo viên là vấn đề nổi bật mà hầu hết các trường trung cấp dạy nghề thường gặp phải hiện nay. Điều tra lần này phát hiện, số lượng giáo viên, giáo viên

chuyên trách trên số học sinh và tỉ lệ giáo viên cao cấp tại các trường trung cấp dạy nghề ở khu vực được điều tra đều chưa đạt yêu cầu qui định của “Tiêu chuẩn”. Nhóm điều tra nghiên cứu tiến hành phỏng vấn tại thành phố Đông Bình, khu Viên Châu, huyện Nam Xương đã phát hiện, những khu vực này không những tồn tại vấn đề như các trường trung cấp dạy nghề là không đủ số lượng giáo viên chuyên trách, mà tổ chất của đội ngũ giáo viên còn cần phải được nâng cao. Ví dụ như, tỉ lệ số lượng giáo viên trong biên chế và số học sinh trong các trường trung cấp dạy nghề của thành phố Đông Bình là 1: 38,3, khu Viên Châu là 1:29, huyện Nam Xương là 1:27, đều thấp hơn tiêu chuẩn 1:20 theo qui định của “Tiêu chuẩn”. Tỉ lệ số giáo viên theo học hệ chính quy trong số các giáo viên chuyên trách tại các trường trung cấp dạy nghề ở huyện Dư Can, khu Cát Châu lần lượt là 46,9% và 48,5%, đều thấp hơn mức bình quân của các thành phố, huyện (khu) của cả tỉnh (năm 2008 là 65%).

### **3. Sự kết nối giữa chuyên môn, trường học với các doanh nghiệp và ngành nghề có liên quan chưa chặt chẽ, hơn nữa lại quá tập trung**

Điều tra lần này phát hiện, số lượng các doanh nghiệp, khu công nghiệp liên kết với các trường trung cấp dạy nghề của tỉnh Giang Tây còn ít, có một số trường thậm chí không có cơ sở thực tập, thực hành ổn định; các ngành liên kết chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực điện tử, gia công/chế tạo,

cơ khí, thông tin, giáo dục, may mặc thời trang và kiến trúc/vật liệu xây dựng, tương ứng với nó, các chuyên ngành liên kết đa số tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề trên. Rất nhiều ngành nghề liên kết với chuyên ngành dạy trong các trường trung cấp dạy nghề là tương đồng, vừa có thể gây ra tệ nạn đào tạo ào ào, chỉ tập trung dạy một vài chuyên ngành, vừa có thể khiến cho các trường trung cấp dạy nghề mất đi bản sắc, khó có thể đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành nghề mới nổi.

### **4. Chiêu sinh khó khăn, nguồn học sinh không đủ**

Vấn đề chiêu sinh luôn gây ra những khó khăn cho sự phát triển của các trường trung cấp dạy nghề. Điều tra lần này phát hiện, qui mô học sinh đang theo học tại một số trường trung cấp dạy nghề ở các huyện (khu), thành phố được điều tra vẫn chưa đạt được yêu cầu qui định của “Tiêu chuẩn”, hơn nữa tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS lên thẳng trung cấp dạy nghề vẫn còn thấp, bình quân chỉ có khoảng 25%. Do chiêu sinh khó khăn, chi phí các trường dùng cho chiêu sinh ngày càng cao, gây ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong thị trường chiêu sinh. Một phần tương đối lớn các trường dạy nghề thông qua phương pháp kích thích kinh tế để lôi kéo nguồn học sinh, gây nhiều nghiêm trọng thị trường chiêu sinh. Ngoài ra, vấn đề chất lượng nguồn học sinh luôn luôn là “nút cổ chai” trong sự phát triển nhanh chóng của các trường trung học dạy nghề. Học sinh tại các

trường trung học dạy nghề sắp bước ra ngoài xã hội, có thể trở thành người lao động đạt tiêu chuẩn hay không, được quyết định bởi sự tu dưỡng cá nhân của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu cơ bản của một công dân đủ tiêu chuẩn hay không. Những học sinh mà các trường dạy nghề có thể lựa chọn có nền tảng văn hoá tương đối thấp, trong đó còn một bộ phận học sinh cá biệt, thiếu hụt quy phạm hành vi, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai công tác của các trường trung cấp dạy nghề.

### **Kết luận**

Các trường trung cấp dạy nghề là chủ thể của giáo dục dạy nghề Trung Quốc hiện nay, nó chiếm vị trí hết sức quan trọng trong cả hệ thống giáo dục, đã đào tạo ra hàng trăm triệu nhân tài có kỹ thuật và người lao động có tố chất cao, phát huy vai trò tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và đẩy nhanh chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế. Bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp toạ đàm, phỏng vấn và điều tra theo bảng hỏi, tiến hành điều tra đối với các trường trung cấp dạy nghề ở 18 thành phố, huyện của tỉnh Giang Tây. Điều tra phát hiện: (1) Chênh lệch thu chi tài chính địa phương của tỉnh Giang Tây là tương đối lớn, tỉ trọng chi cho giáo dục trung cấp dạy nghề vẫn còn thấp, hơn nữa có một số tỉ trọng lại bị giảm xuống; (2) Số lượng các chuyên ngành và các trường trung cấp dạy nghề liên kết với các doanh nghiệp và ngành nghề có liên quan còn thiếu rõ rệt, còn tồn tại khuynh hướng phát triển một cách mù

quáng, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với việc xây dựng các chuyên ngành và trường trung cấp dạy nghề; (3) Đầu tư cho giảng dạy và cơ sở thiết bị phục vụ giảng dạy chưa đủ; (4) Số lượng giáo viên chuyên trách còn tương đối ít, tỉ lệ giáo viên/học sinh và tỉ trọng giáo viên trình độ cao cấp còn thấp; (5) Các trường vẫn còn phải đối mặt với tình trạng chiêu sinh khó, nguồn học sinh không đủ.

Giữa giáo dục trung cấp dạy nghề và kinh tế có mối quan hệ thúc đẩy lẫn nhau, chế ước lẫn nhau, bổ trợ cho nhau và quan hệ nhân quả, giáo dục trung cấp dạy nghề có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc phát triển xã hội, xây dựng kinh tế khu vực. Các trường trung cấp dạy nghề đã đào tạo ra những người lao động trực tiếp, trình độ cao hay thấp của các trường này có quan hệ trực tiếp tới tố chất cao hay thấp của người lao động và chất lượng tốt hay xấu của sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển kinh tế xã hội, là con đường và nhịp cầu nối quan trọng để giáo dục cơ bản phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội.

*Người dịch:* **NGUYỄN THANH GIANG**

---

### **CHÚ THÍCH:**

Sở Giáo dục Dạy nghề và Giáo dục Thành niên, Bộ Giáo dục. Số học sinh các loại trong các trường (cơ sở) trung cấp dạy nghề (OLI) <http://www.moe.edu.cn>. 24.12.2009

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Biên tập Toà soạn. *Kế hoạch giáo dục lâu dài – “Cương yếu qui hoạch cải cách và phát triển giáo dục trung dài hạn quốc gia (2010-2020)”*, Quyển giải thích 7: Bảo đảm đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp (J). Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, 2010 (15): trang 38-40.
2. Phùng Cẩm Anh, Hà Quyên. *Hiện trạng và sự phát triển của giáo dục trung cấp dạy nghề* (J), Học báo Học viện Giáo dục Hắc Long Giang, 2007 (1): trang 41-43.
3. Hồng Duy Minh. *Suy nghĩ về hiện trạng và sự phát triển của giáo dục trung cấp dạy nghề* (J). Nghề nghiệp và giáo dục, 2008 (4): trang 73-74.
4. Nhóm Đề tài. *Sự lựa chọn sách lược phát triển tối ưu có hiệu quả cho giáo dục trung cấp dạy nghề ở khu vực kém phát triển - Lấy ví dụ huyện Phần Dương tỉnh Giang Tây* (J). Nghiên cứu khoa học giáo dục Giang Tây, 2010 (3): trang 53:55.
5. Lý Hiểu Cương. *Bình luận nghiên cứu cơ chế đầu tư giáo dục cao đẳng nghề nghiệp* (J). Giáo dục xây dựng Trung Quốc, 2009(3): trang 8-10.
- (6) Lưu Hiện Dân, Lã Tinh Tinh. *Phân tích thực chứng quan hệ giữa giáo dục và GDP của Trung Quốc* (J). Công trình giá trị, 2004 (1): trang 1-3.
7. La Hải Hà. *Điều tra và kiến nghị về những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các trường trung cấp dạy nghề* (J). Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, 2007 (16): Trang 45-47.
8. Khâu Tiểu Kiện. *Vấn đề và đối sách giải quyết những tồn tại trong đầu tư giáo dục trung cấp dạy nghề ở tỉnh Giang Tây* (J). Giáo dục người trưởng thành, 2008 (11): trang 30-31.
9. Vạn ánh Hoa. *Tìm kiếm con đường phát triển các trường trung cấp dạy nghề ở các khu vực khó khăn* (J). Chuyên san Sáng tạo Khoa giáo Trung Quốc, 2008 (5): trang 193-194.
10. Vương Nguyên Chương. *Phân tích hiện trạng và vấn đề của giáo dục trung cấp dạy nghề ở thành phố Hạ Môn* (J). Giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, 2007 (19): trang 29-32.
11. Từ Văn Đào. *Nghiên cứu vấn đề cải cách và phát triển của các trường trung cấp dạy nghề* (J). Nghiên cứu giáo dục và dạy học, 2009 (5): trang 115-117.
12. Dư Mậu Huy, Tôn Dũng. *Phân tích so sánh và gợi ý mô hình giáo dục trung cấp dạy nghề ở các nước phát triển* (J). Tìm tòi và nghiên cứu giáo dục nghề nghiệp. 2010 (1): trang 56-60.
13. Trương Bài Phòng. *Ưu hoá nguồn lực, bố trí hợp lý, đi con đường phát triển bền vững – Bàn về phương hướng phát triển các trường trung cấp dạy nghề* (J). Nghiên cứu giáo dục nghề nghiệp, 2007 (21): trang 57-58.
14. Trương Hiểu Huệ. *Suy nghĩ về hiện trạng và sự phát triển giáo dục trung cấp dạy nghề* (J). Giáo dục Điện lực Trung Quốc, 2005 (4): trang 48-50.
15. Trương Dục Minh. *Vai trò của giáo dục trung cấp dạy nghề trong phát triển kinh tế huyện lỵ ở Giang Tây* (J). Nghiên cứu khoa học giáo dục Giang Tây, 2003 (12): trang 21-22.

